

Số: 911/BCT-TTBVTV

Quảng Trị, ngày 18 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 16 tháng 11 năm 2023 đến ngày 15 tháng 12 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Giữa tháng 11/2023 có mưa to trên diện rộng gây ngập lụt một số vùng, sau đó mưa giảm dần. Từ cuối tháng 11/2023 đến 15/12/2023 thời tiết phổ biến trời nắng nhẹ, xen kẽ một vài ngày có mưa nhỏ rải rác. Nhiệt độ trung bình 25-26⁰C, ẩm độ trung bình 80-85%.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa:

b) Cây trồng khác

Nhóm/ loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
- Cây sắn	Thu hoạch	3.000
- Cây công nghiệp:		
<i>Hồ tiêu</i>	Quả non	2.153,6
<i>Cao su</i>	Khai thác	18.800,7
<i>Cà phê</i>	Thu hoạch - Chăm sóc sau thu hoạch	3.942,8

3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai: Không

II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU TỪ 16/10/2023-15/11/2023

1. Trên cây lúa: Chuột, ốc brou vàng, rầy... tồn tại trên lúa chết, cỏ dại.

2. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá gây hại 54 ha (giảm 10 ha so với tháng trước, tương đương cùng kỳ năm trước), tỷ lệ bệnh phổ biến 10-15%, nơi cao 30%.

3. Trên cây hồ tiêu: Các đối tượng dịch hại DTN tương đương tháng trước, cụ thể: Bệnh thán thư DTN 159 ha (giảm 13 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết nhanh DTN 21 ha (tương đương cùng kỳ năm trước); bệnh đốm lá DTN 88 ha (giảm 23 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết chậm DTN 144 ha (tăng 22 ha so với cùng kỳ năm trước); tuyến trùng DTN 212 ha (giảm 119 ha so với cùng kỳ năm trước); rệp sáp DTN 15 ha (giảm 5 ha so với tháng trước, giảm 24 ha so với cùng kỳ năm trước).

4. Trên cây cà phê (Hướng Hóa): Bệnh rỉ sắt DTN 540 (tăng 165 ha so với tháng trước, giảm 680 ha so với cùng kỳ năm trước); rệp DTN 55 ha (giảm 5 ha so

với tháng trước, giảm 30 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh thán thư DTN 732 ha (giảm 50 ha so với tháng trước, giảm 122 ha so với cùng kỳ năm trước) trong đó nhiễm nặng 92 ha; bệnh khô cành DTN 821 ha (giảm 17 ha so với tháng trước, tăng 51 ha so với cùng kỳ năm trước) trong đó nhiễm nặng 90 ha.

5. Trên cây cao su: Bệnh xì mũ DTN 132 ha (tương đương tháng trước, tăng 11 ha so với cùng kỳ năm trước), bệnh loét sọc mặt cạo DTN 294 ha (tăng 22 ha so với tháng trước, tăng 100 ha so với cùng kỳ năm trước).

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu từ 16/12/2023-15/01/2024

1.1. Trên cây lúa: Chuột, ốc brou vàng, rầy... tiếp tục tồn tại trên lúa chết, cỏ dại và gây hại trên mạ, lúa mới gieo đầu vụ.

1.2. Trên cây hồ tiêu: Bệnh chết nhanh, chết chậm, thán thư, tuyến trùng,... tiếp tục gây hại nhiều nơi, đặc biệt bệnh chết nhanh, chết chậm có thể lây lan, gây hại nặng các vườn bị bệnh, vùng ổ dịch, những vườn thoát nước kém.

1.3. Trên cây cà phê: Các đối tượng dịch hại như: Bệnh khô cành, thán thư, rỉ sắt, nấm hồng... tiếp tục gây hại nhiều nơi, hại nặng trên các vườn cà phê già cỗi, các vườn không chú trọng công tác phòng trừ sâu bệnh.

1.4. Trên cây cao su: Bệnh xì mũ, loét sọc mặt cạo tiếp tục phát sinh phát triển.

1.5. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus DTN giảm dần.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong tháng tới

2.1. Trên cây lúa: Theo dõi phát sinh của các đối tượng dịch hại trên lúa chết, cỏ dại để làm cơ sở cho công tác dự tính dự báo sâu bệnh hại đầu vụ Đông Xuân 2023-2024. Phát động phong trào vệ sinh đồng ruộng, diệt chuột, ốc brou vàng và cây mai dương để hạn chế thiệt hại đầu vụ, tập trung ra quân thực hiện đồng loạt từ ngày 20-30/12/2023. Chuẩn bị đầy đủ vật tư để tiến hành gieo trồng theo đúng khung lịch thời vụ. Có thể xử lý giống trước khi gieo bằng các loại thuốc như: Cruiser plus 312.5 FS,... để hạn chế rầy lưng trắng truyền bệnh lùn sọc đen trong giai đoạn đầu của cây lúa.

2.2. Trên cây hồ tiêu: Đào rãnh thoát nước, không để đọng nước trong mùa mưa. Kiểm tra, xử lý thuốc phòng trừ tuyến trùng, bệnh chết chậm, chết nhanh... Đối với bệnh chết nhanh cần thu gom tàn dư cây bị bệnh mang ra khỏi khu vực vườn và đốt tiêu hủy, xử lý đất tại các gốc tiêu bị bệnh bằng vôi bột, tăng cường sử dụng các loại chế phẩm sinh học để phòng bệnh.

2.3. Trên cây cà phê: Sau thu hoạch tiến hành vệ sinh vườn, chăm sóc, bón phân, xử lý thuốc phòng trừ sâu bệnh giúp cho cây nhanh chóng hồi phục sau đợt cho quả.

2.4. Trên cây cao su: Tăng cường kiểm tra vườn, phát hiện và xử lý cây bị bệnh xì mũ, loét sọc mặt cạo. Tiến hành bôi thuốc trên miệng cạo và vết xì mũ bằng các loại thuốc đặc hiệu để tránh lây lan nhiều nơi.

2.5. Trên cây sắn: Khuyến cáo người dân sử dụng các giống sắn mới có tiềm năng năng suất và có khả năng kháng bệnh khảm lá như: HN1, HN5... hạn chế trồng các giống nhiễm bệnh. Trường hợp sử dụng giống KM94 thì chỉ chọn những cây khỏe ở vùng không bị bệnh để làm giống. Tuyệt đối không được để giống từ những khu vực nhiễm bệnh cho vụ sau; tuyệt đối không mua, bán, trao đổi, vận chuyển hom sắn từ các vùng bị bệnh về làm giống. Thu gom cây sắn bị bệnh sau thu hoạch đem tiêu hủy để tiêu diệt nguồn bệnh./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV vùng khu 4 (B/c);
- Sở NN & PTNT Q Trị (B/c);
- Trung tâm Khuyến nông;
- Chi cục trưởng, các PCCT;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, thành phố, thị xã;
- Trạm TT&BVTV các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, P.BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Trần Minh Tuấn

TỔNG HỢP ĐIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG THÁNG

ST T	Tên SVGH	Mật độ sâu (con/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	DTN các loại dịch hại (ha)					So sánh diện tích nhiễm (+/- ha)		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố	
		Phổ biến	Nơi cao	Cục bộ		Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	Cùng kỳ năm trước			
I	Cây Hồ tiêu (Quả non)														
1	Chết chậm	3-10	15-20		1-3	144	122	22	0	0	+2	+22	10	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ	
2	Chết nhanh	1-3			1-3	21	19	2	0	0	0	0	0	V.Linh, G.Linh	
3	Tuyến trùng	5-10	15-20		1-3	212	186	26	0	0	+1	-119	30	Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, H. Hóa	
4	Thán thư	3-5	15-20		1-3	159	139	20	0	0	+1	-13	12	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ	
5	Đốm lá	5-10	15-20		1	88	73	15	0	0	0	-23	0	C. Lộ, G. Linh, H. Hóa	
6	Rệp sáp	5-10	15		1-3	15	10	5	0	0	-5	-24	10	Hương Hóa	
II	Cây cà phê (Thu hoạch - chăm sóc sau thu hoạch)														
1	Khô cành	10-15	60-70		1	821	521	210	90	0	-17	+51	0	Hương Hóa	
2	Thán thư	15-20	70		1-3	732	430	210	92	0	-50	-122	45		
3	Rệp	5-10	60		1-3	55	55	0	0	0	-5	-30	20		
4	Rỉ sắt	2-5	10		1	540	285	190	65	0	+165	-680	0		
III	Cây cao su (Khai thác)														
1	Loét sọc mặt cạo	5-10	30		1-3	294	232	49	13	0	+22	+100	20	C. Lộ, G.Linh, V. Linh	
2	Xì mũ	5-10	15		1-3	132	112	20	0	0	+1	+11	15	Tr. Phong, C. Lộ, G.Linh, V. Linh	
IV	Cây sắn (Thu hoạch)														
1	Khảm lá virus	10-20	50-60		3-5	54	36	15	3	0	-10	52,5	0	H. Lăng, TX. QTrị, Tr. Phong, G. Linh, V. Linh, Đakrông	